

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG VÂN SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

Vân Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn phương án phân bổ bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị
thực hiện các nhiệm vụ phát sinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG VÂN SƠN
KHÓA I, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi bổ sung của Luật NSNN tại Điều 4, Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua vào ngày 29 tháng 11 năm 2024, sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật như Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, và nhiều luật khác;

Căn cứ Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi, giao bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường năm 2025 để chi hoạt động của các Trạm y tế;

Căn cứ Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi và giao dự toán kinh phí Trung tâm dịch vụ tổng hợp các xã, phường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc duyệt bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh năm 2025 cho ngân sách phường Vân Sơn và xã Gia Phù kinh phí sự nghiệp giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc Thu hồi dự toán và bổ sung kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3417/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc duyệt phân bổ kinh phí ngân sách trung ương năm 2025 cho Sở Y tế và các xã, phường để thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 (đợt 1);

Xét Tờ trình số 2416/TTr-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường Vân Sơn về việc đề nghị bổ bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-KTNS ngày 30/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND phường và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn phương án phân bổ bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ năm 2025 với tổng số tiền: **2.225.059.817** cụ thể như sau:

I. Phân bổ kinh phí cho Trạm y tế, Trung tâm dịch vụ tổng hợp

1. Trạm Y tế

1.1. Kinh phí tự chủ: **400.000.000** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

1.2. Kinh phí không tự chủ: **67.250.000** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

1.3. Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73: **80.000.000** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

1.4. Kinh phí thực hiện chương trình MTQG: **88.434.900** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

2.1. Kinh phí tự chủ: **179.901.787** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3342/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 và Quyết định số 3376/QĐ – UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

2.2. Kinh phí không tự chủ: **16.765.000** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3342/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

2.3. Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73: **45.676.430** đồng Từ nguồn kinh

phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3342/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 và Quyết định số 3376/QĐ – UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

(Có phụ lục chi tiết số 01 kèm theo)

II. Phân bổ kinh phí cho phòng Văn hóa – Xã hội và các đơn vị sự nghiệp giáo dục trên địa bàn phường.

1 Kinh phí lương, phụ cấp do tăng giáo viên: **1.085.793.900** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3344/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

2. Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73: **140.837.800** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3344/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

3. Kinh phí tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 (đợt 1): **120.400.000** đồng (Từ nguồn kinh phí được cấp bổ sung tại Quyết định 3417/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La).

(Có phụ lục chi tiết số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

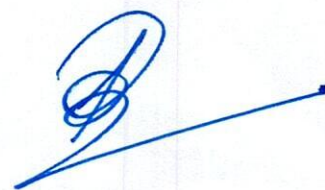
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND phường giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Vân Sơn khóa I, kỳ họp chuyên đề thứ sáu thông qua ngày tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TT HĐND - UBND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- KBNN khu vực X, phòng giao dịch số 9;
- Thuế cơ sở 3;
- Lưu VT, KT (30b) 

CHỦ TỊCH



Phạm Đại Phong

BIỂU CHI TIẾT NGUỒN PHÂN BỐ KINH PHÍ

(Kèm theo Nghị quyết số 37/HĐND-UBND ngày 31/12/2025 của HĐND phường Văn Sơn)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CHI	Phân bổ theo QĐ 3333/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Phân bổ theo QĐ 3342/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Phân bổ theo QĐ 3376/QĐ-UBND ngày 29/12/2026
A	Trạm Y tế (1167085)	635.684.900		
I	Kinh phí tự chủ	400.000.000		
1	Kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	400.000.000		
II	Kinh phí không tự chủ	67.250.000		
2	Kinh phí thực hiện chính sách CTV Dân số theo NQ 03	55.000.000		
3	Kinh phí thực theo Quyết định 73	12.250.000		
III	Kinh phí tiền thưởng theo ND 73	80.000.000		
IV	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG (10517)	88.434.900		
1	CTMT quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
1.1	HP1: Xây dựng và Phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	15.000.000		
	Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm	15.000.000		
1.2	HP2: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS và Miền núi	73.434.900		
1.1.1	Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.000.000		
	Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.000.000		
1.1.2	Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh	10.662.500		
	Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh	10.662.500		
1.1.3	Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới	24.625.000		
	Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới	20.000.000		
	Kiểm soát, quản lý dân số tại vùng ĐBDTTS&MN, khu vực biên giới. Bổ sung trang thiết bị cho Kho dữ liệu chuyên ngành; Rà soát thông tin, cơ sở dữ liệu; củng cố, kiện toàn kho dữ liệu chuyên ngành dân số; chia sẻ, kết nối với cơ sở dữ liệu các ngành liên quan (tư pháp, công an bộ đội biên phòng...) ở vùng ĐBDTTS&MN	4.625.000		
1.1.4	Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.352.400		
	Tập huấn kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ y tế cơ sở; Tập huấn kiến thức, kỹ năng tuyên truyền về dân số với đồng bào dân tộc	10.352.400		
1.1.5	Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	17.795.000		
	Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.045.000		
	Thay đổi và nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng người dân tộc thiểu số trong việc thực hành sàng lọc bệnh Thalassemia	12.750.000		
B	Trung tâm dịch vụ tổng hợp (1167064)		97.647.147	144.696.070
I	Kinh phí tự chủ		71.428.917	108.472.870
1	Lương và các khoản PC lương		49.125.743	108.472.870
2	Chi khác		22.303.174	
II	Kinh phí không tự chủ		16.765.000	
4	Kinh phí thực hiện điểm du lịch Quốc gia Mộc Châu, Di tích		10.000.000	
5	Kinh phí thực hiện cơ sở vật chất theo chỉ đạo TT UBND		6.765.000	
III	Kinh phí tiền thưởng theo ND 73		9.453.230	36.223.200
	Tổng cộng	635.684.900	97.647.147	144.696.070

BIỂU CHI TIẾT NGUỒN PHÂN BỐ KINH PHÍ

(Kèm theo Nghị quyết số 37/HĐND-UBND ngày 31/12/2025 của HĐND phường Vân Sơn)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CHI	Phân bổ theo QĐ 3344/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Phân bổ theo QĐ 3417/QĐ-UBND ngày 30/12/2026
I	Trường TH&THCS 15/10	466.644.800	
1	Kinh phí lương, phụ cấp	422.400.000	
2	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73	44.244.800	
II	Trường TH&THCS 14/6	622.960.000	
1	Kinh phí lương, phụ cấp	537.599.000	
2	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73	85.361.000	
III	Trường TH&THCS Phiêng Luông	137.026.900	
1	Kinh phí lương, phụ cấp	125.794.900	
2	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73	11.232.000	
IV	Phòng Văn hóa - Xã hội (1138008)		120.400.000
1	Kinh phí tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 (đợt 1)		120.400.000
	Tổng cộng	1.226.631.700	120.400.000